TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Sơn Điền và bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1963, địa chỉ: số 169 đường Thành Công, phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1979, địa chỉ: tổ 11, ấp H, xã A, thị xã D, tỉnh An Giang.

Bà U có mặt; ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, ngU đơn bà Phạm Thị U trình bày:

Do quen biết, bà U có cho ông Nguyễn Anh T vay 02 lần tiền: Ngày 17/4/2020, ông T vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thời hạn vay 06 tháng (tính từ ngày 17/4/2020 đến ngày 17/10/2020); Ngày 03/6/2020, ông T vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay đến tháng 10/2020 sẽ trả vốn. Các lần

vay đều có làm biên nhận nợ, tổng cộng ông T vay 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích vay chi tiêu cá nhân. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông T có giao cho bà U giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09142 ngày 11/11/2016 do Sở Tài ngU và Môi trường An Giang cấp đứng tên Nguyễn Anh T (diện tích 146,6 m^2, tọa lạc ấp L, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang). Sau khi vay, ông T trả cho bà U tiền lãi 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng, thì ngưng, không trả vốn. Bà U yêu cầu ông Nguyễn Anh T có trách nhiệm trả 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng và lãi suất theo quy định pháp luật (từ ngày 17/10/2020 cho đến khi xét xử xong vụ án). Đồng thời, bà U yêu cầu được tiếp tục giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T đến khi ông T trả dứt số tiền còn nợ thì bà U sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp: giấy mượn tiền ngày 17/4/2020 và ngày 03/6/2020 (trên cùng một tờ giấy) và yêu cầu giám định chữ ký tên, chữ viết họ tên của Nguyễn Anh T trên giấy mượn tiền nêu trên tại Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh An Giang.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Anh T, nhưng ông T vắng mặt ở địa phương, không văn bản ý kiến phản hồi. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ: Xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Anh T (Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư); Thu thập mẫu chữ ký tên, chữ viết họ tên của ông Nguyễn Anh T để trưng cầu giám định trên giấy mượn tiền ngày 17/4/2020 và ngày 03/6/2020 (trên cùng một tờ giấy), cụ thể:

- Theo kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 12/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận:

Chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Anh T dưới mục "TPHCM. Ngày 17.4.2024" và dưới mục "Ngày 3-6-2020" trên cùng một tờ "Giấy mượng tiền", ký hiệu TLCGĐ: A1, A2 so với chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Anh T trên 03 (ba) tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu TLMSS: M1, M2, M3 do cùng một người ký và viết ra.

- Kết quả Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1979, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà U vẫn giữ ngU yêu cầu và đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Ông T vắng mặt.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều

203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: ngU đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án (không có đơn xin vắng mặt). Qua đó cho thấy bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 131, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 188 Luật đất đai 2013; Điều 162, Điều 147, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn;

Buộc ông Nguyễn Anh T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị U vốn vay gốc 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 17/10/2020 đến ngày xét xử.

Bà Phạm Thị U có nghĩa vụ trả cho ông T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09142, thửa 193, tờ bản đố số 13, diện tích 145m^2 đất ở tại nông thôn, do Sở Tài ngU và Môi trường An Giang cấp ngày 11/11/2016 cho ông Nguyễn Anh T đứng tên.

Ông T phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Bà Phạm Thị U khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản với ông Nguyễn Anh T cư trú tại ấp L, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; ngU đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung:*

[1] Hợp đồng vay tài sản (giấy mượn tiền ngày 17/4/2020 và ngày 03/6/2020 (trên cùng một tờ giấy)) giữa bà U với ông T được lập thành văn bản, ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định

của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về vốn vay và tiền lãi:

- Vốn vay: Lời khai của bà Phạm Thị U có cho ông T vay 02 lần tiền, ngày 17/4/2020, ông T vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 17/4/2020 đến ngày 17/10/2020); ngày 03/6/2020, ông T vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay đến tháng 10/2020 sẽ trả vốn. Các lần vay đều có làm biên nhận nợ, có chữ ký và ghi họ tên ông T, tổng cộng ông T vay 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng, mục đích vay chi tiêu cá nhân. Đến nay, ông T không trả vốn.

Kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 12/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang: "Chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Anh T dưới mục "TPHCM. Ngày 17.4.2024" và dưới mục "Ngày 3-6-2020" trên cùng một tờ "Giấy mượng tiền", ký hiệu TLCGĐ: A1, A2 so với chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Anh T trên 03 (ba) tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu TLMSS: M1, M2, M3 do cùng một người ký và viết ra.

Do đó, bà U yêu cầu ông T trả vốn 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng là có căn cứ, chấp nhận.

- Tiền lãi:

Bà U khai, Sau khi ông T vay tiền, có trả lãi 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng của hai khoản vay (ngày 17/4/2020 và ngày 03/6/2020), thì ngưng. Bà U yêu cầu ông T có trách nhiệm trả tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 17/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo lãi suất bà U cho ông T vay (ngày 4%/tháng, tương đương 48%/năm; 3%/tháng, tương đương 36%/năm) là cao vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 466; khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Ông T vắng mặt, chấp nhận lời khai của bà U đã nhận tiền lãi của ông T 39.000.000 đồng.

* Điều chỉnh lãi suất:

Từ ngày 17/4/2020 đến ngày 02/6/2020 (01 tháng 15 ngày).

200.000.000 đồng x 10%/năm x 01 tháng 15 ngày = 2.499.000 đồng;

Từ ngày 03/6/2020 đến ngày 18/9/2020 (51 tháng 15 ngày).

350.000.000 đồng x 10%/năm x (51 tháng 15 ngày/30) xét xử sơ thẩm = 150.148.000 đồng.

Vậy, lãi chiết tính 152.647.000 đồng - lãi đã nhận 39.000.000 đồng = 113.647.000 đồng.

Buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà U vốn 350.000.000 đồng + lãi 113.647.000 đồng = 463.647.000 đồng.

(Theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều

468 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[3] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà U khai, Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông T có giao cho bà U bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09142 ngày 11/11/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp đứng tên Nguyễn Anh T. Việc thế chấp không được công chứng, chứng thực là chưa đảm bảo điều kiện về mặt hình thức theo quy định điểm a khoản 1 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, nên giao dịch dân sự này là vô hiệu. Buộc bà Phạm Thị U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Anh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09142 ngày 11/11/2016, do Sở Tài ngU và Môi trường tỉnh An Giang cấp đứng tên Nguyễn Anh T, Theo quy định tại khoản 2 Điều 117, Điều 122, Điều 129, khoản 2 Đều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Anh T phải chịu chi phí giám định 1.500.000 đồng. Ông T có trách nhiệm hoàn trả cho bà U chi phí giám định 1.500.000 đồng theo quy định Điều 159; Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu 22.546.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà U tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468, Điều 357; khoản 2 Điều 117, Điều 122, Điều 129, khoản 2 Đều 131 Bộ luật Dân sự Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; khoản 2; khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị U.

Buộc ông Nguyễn Anh T có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị U số tiền *463.647.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng*. Trong đó, tiền lãi *113.647.000 đồng (Một trăm mười ba triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng*, vốn vay *350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng*.

Hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Anh T và bà Phạm Thị U là vô hiệu. Bà Phạm Thị U có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Anh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09142 ngày 11/11/2016, do Sở Tài ngU và Môi trường tỉnh An Giang cấp đứng tên Nguyễn Anh T.

Kể từ ngày bà U có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Ông T phải chịu chi phí giám định 1.500.000 đồng. Ông T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà U số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Anh T phải chịu *22.546.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà U số tiền *8.750.000 (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007565 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà U có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của ông T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bạch Tuyết